TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2024/DS-ST
Ngày 19 – 4 – 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Dân

Bà Trương Tuyết Thoa

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 685/2023/TLST-DS, ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn Nh, Sinh năm: 1961. Địa chỉ cư trú: Số C đường L, khóm K, Phường L, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Trương Hữu D, sinh năm 1964. Địa chỉ cư trú: Số D, ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Tô Ngọc D1, sinh năm 1967. Địa chỉ cư trú: Số D, ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Văn Nh trình bày tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên toà như sau:

Từ năm 2012 đến năm 2021 ông có bán thức ăn nuôi tôm cho ông Trương Hữu D và bà Tô Ngọc D1, quá trình mua bán ông D, bà D1 có thanh toán cho ông nhưng còn nợ lại, đến ngày 09/12/2021 giữa các bên đối chiếu công nợ ông D và bà D1 còn nợ ông số tiền 42.397.000 đồng, sau đó ông D và bà D1 tiếp tục mua thức ăn tôm của ông và còn nợ số tiền 2.985.000 đồng. Đến ngày 05/5/2023, các bên đối điếu công nợ ông D, bà D1 còn nợ ông tổng số tiền của hai đợt là 42.985.0000 đồng (đã giảm bớt số tiền 397.000 đồng), ông D, bà D1 thanh toán được 20.000.0000 đồng, còn nợ lại 22.985.000 đồng, sau đó không tiếp tục thanh toán cho ông. Vào ngày 05/6/2023, ông

có gọi điện thoại yêu cầu ông D và bà D1 thanh toán nợ nhưng đến nay ông D và bà D1 không toán cho ông. Ông khởi kiện yêu cầu ông D và bà D1 thanh toán vốn 22.985.000 đồng và tiền lãi từ ngày 09/12/2021 đến ngày 15/11/2023, mức lãi suất theo quy định và chỉ yêu cầu 3.300.000 đồng, khoản còn lại không yêu cầu. Tổng cộng 26.285.000 đồng.

Ông Trương Hữu D trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau như sau:

Ông thừa nhận từ năm 2012 đến năm 2023, vợ chồng ông có mua thức ăn nuôi tôm của ông Nh còn nợ lại tổng cộng 22.985.000 đồng đúng như ông Nh trình bày. Ông đồng ý vợ chồng ông cùng thanh toán cho ông Nh số tiền 22.985.000 đồng, không đồng ý thanh toán khoản tiền lãi 3.300.000 đồng, vì khi mua bán không thỏa thuận tính lãi.

Bà Tô Ngọc D1 trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau như sau:

Bà thống nhất toàn bộ trình bày của ông D như trên, không trình bày thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ mua bán. Nguyên đơn cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là Giấy theo dõi mua bán. Nguyên đơn cho rằng quá trình mua bán bị đơn còn nợ nguyên đơn 22.985.000 đồng, nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn thanh toán nhưng vẫn không thanh toán. Bị đơn ông Trương Hữu D, bà Tô Ngọc D1 thừa nhận còn nợ và đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng mua bán giữa nguyên đơn và bị đơn có diễn ra thực tế, khách quan. Quá trình mua bán, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với nguyên đơn, không thanh toán nợ cho nguyên đơn. Tại phiên tòa các bị đơn đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 22.985.000 đồng.

[3] Về tiền lãi: Ông Nh yêu cầu tính lãi chậm trả trên số tiền 20.000.000 đồng từ ngày 09/12/2021 đến ngày 15/11/2023, mức lãi suất theo quy định và chỉ yêu cầu số tiền 3.300.000 đồng, khoản còn lại không yêu cầu. Ông D, bà D1 không đồng ý. Xét thấy, các đương sự không thỏa thỏa thuận thời gian thanh toán, cũng như việc trả lãi chậm trả. Tuy nhiên, theo chứng cứ trong hồ sơ thể hiện, các bên đối chiếu công nợ cuối cùng vào ngày 05/5/2023 số tiền 22.985.000 đồng và tại phiên tòa các bên xác định đến 01 tháng sau tức là ngày 05/6/2023, ông Nh gọi điện thoại yêu cầu ông D, bà D1 thanh toán tiền, nhưng sau đó ông D, bà D1 không thanh toán, đã vi phạm ngĩa vụ thanh toán với nguyên đơn, nên chỉ xác định thời điểm ông D, bà D1 vi phạm nghĩa vụ là ngày 05/6/2023, ông Nh yêu cầu tính lãi đến ngày 15/11/2023 là ngày Tòa án thụ lý vụ án, được tính là 05 tháng 10 ngày x 20.000.000 đồng x 0,83%/tháng (theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự) = 885.000 đồng. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu

cầu của ông Nh, buộc ông D và bà D1 thanh toán tiền nợ lãi là 885.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu thanh toán tiền lãi chênh lệch là 2.415.000 đồng.

[4] Về Nghĩa vụ thanh toán: Nguyên đơn xác định là nợ chung yêu cầu bà ông D và bà D1 cùng thanh toán. Ông D và bà D1 đồng ý là nợ chung của vợ chồng và đồng ý cũng thanh toán nợ cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, việc ông D và bà D1 mua thức ăn nuôi tôm để nuôi tôm và khi có thu nhập thì sử dụng vào mục đích sinh hoạt chung của gia đình, các đương sự đều thống nhất là nợ chung. Do đó, có căn cứ xác định đây là nợ chung của vợ chồng, nên buộc ông D và bà D1 cùng có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ cho ông Nh là phù hợp.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí, nên được miễn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 430, 440, 288 của Bộ luật dân sự; Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Nh, về việc yêu cầu ông Trương Hữu D và bà Tô Ngọc D1 thanh toán nợ mua bán.

Buộc ông Trương Hữu D và bà Tô Ngọc D1 cùng có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Nguyễn Văn Nh số tiền 23.870.000 đồng, nợ gốc 22.985.000 đồng và nợ lãi 885.000 đồng.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn Nh có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trương Hữu D và bà Tô Ngọc D1 không thanh toán xong khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Nh, về việc yêu cầu ông Trương Hữu D và bà Tô Ngọc D1 thanh toán tiền lãi chênh lệch là 2.415.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Nguyễn Văn Nh phải nộp 300.000 đồng; Ông Trương Hữu D phải nộp 1.193.000 đồng, nhưng các đương sự được miễn nộp theo quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hân